

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm /2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;

Thông tư số 05/2026/TT-BXD ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định về bảo trì công trình hàng hải và tần suất khảo sát thông báo hàng hải;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng, bao gồm các dịch vụ sau:

1. Vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập;
2. Vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao

gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, đèn hướng dòng, đèn bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng);

3. Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu);

4. Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Báo hiệu hàng hải* là các công trình, thiết bị, hệ thống chỉ dẫn hàng hải, bao gồm các công trình, thiết bị, hệ thống nhận biết bằng hình ảnh, ánh sáng, âm thanh và tín hiệu vô tuyến điện tử, dịch vụ được thiết lập và vận hành để chỉ dẫn cho tàu thuyền hàng hải an toàn và hiệu quả.

2. *Tầm hiệu lực của báo hiệu hàng hải* là khoảng cách lớn nhất tính từ người quan sát đến báo hiệu mà người quan sát nhận biết được báo hiệu đó để định hướng hoặc xác định vị trí của mình.

3. *Tầm hiệu lực ban ngày của báo hiệu hàng hải* là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được báo hiệu vào ban ngày; được xác định với tầm nhìn xa khí tượng bằng 10 hải lý.

4. *Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu hàng hải* là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được tín hiệu ánh sáng của báo hiệu.

5. *Tầm hiệu lực danh định của báo hiệu hàng hải* là tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu trong điều kiện khí quyển có tầm nhìn xa khí tượng là 10 hải lý (tương ứng với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$) với ngưỡng cảm ứng độ sáng của mắt người quan sát quy ước bằng 0,2 micro-lux.

6. *Tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến (Racon, AIS...)* là khoảng cách tối đa mà tín hiệu của báo hiệu vô tuyến có thể phát hiện hoặc sử dụng được bằng thiết bị thu nhận tín hiệu.

7. *Ánh sáng chớp nhóm* là ánh sáng chớp được phát theo nhóm với chu kỳ xác định.

8. *Báo hiệu hàng hải AIS* là báo hiệu vô tuyến điện truyền phát thông tin an toàn hàng hải tới các trạm AIS được lắp đặt trên tàu, hoạt động trên các dải tần số VHF hàng hải.

9. *Tiêu radar (Racon)* là báo hiệu hàng hải để thu, phát tín hiệu vô tuyến điện trên các dải tần số của radar hàng hải.

10. *Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải* được xác định bằng tỷ lệ phần trăm về thời gian mà báo hiệu hàng hải hoạt động đúng tất cả các chức năng đã

được công bố trong chu kỳ đánh giá.

11. *Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công* là đơn vị được nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Điều 1.

12. *Báo hiệu âm thanh* là thiết bị truyền phát âm thanh để cung cấp thông tin cho người đi biển trong điều kiện tầm nhìn xa bị hạn chế.

13. *Báo hiệu AIS phát thông tin khí tượng thủy văn* là thiết bị nhận dữ liệu khí tượng thủy văn từ các trạm quan trắc tự động và truyền phát qua bức điện số 8 của báo hiệu hàng hải AIS.

Chương II

QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 4. Tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập:

a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập gồm: chức năng của báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu; công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình; công tác quản lý; chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập.

b) Nội dung chi tiết tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, đèn hướng dòng, đèn bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng):

a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được xác định gồm: chức năng của báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu; công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình; công tác quản lý tại trạm luồng; chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng; công tác kiểm tra thường xuyên đèn, đèn.

b) Nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)

a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được xác định gồm: Tần suất khảo sát; hồ sơ khảo sát.

b) Nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố

thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải

a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải là việc khắc phục sự cố kịp thời, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.

b) Nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp xác định và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hàng quý hoặc đột xuất, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức kiểm tra xác suất (một năm tối thiểu 10% số đèn biển, tối thiểu 10% số đoạn hoặc tuyến luồng) việc thực hiện chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Thông tư này.

4. Các phương tiện thủy phục vụ công tác: vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập (bao gồm vận hành, bảo trì đèn biển; công tác tiếp tế định kỳ); vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm kiểm tra tổng quan; bảo trì báo hiệu hàng hải; thay, thả phao báo hiệu hàng hải; sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải; công tác tiếp tế định kỳ) phải lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS) hoặc thiết bị giám sát hành trình khác để kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

5. Các phương tiện bộ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ tại các trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải công cộng phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình để kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 6. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải căn cứ trên các tiêu chí tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và được đánh giá theo mức “Đạt” hoặc “Không đạt”.

Khi tiêu chí đánh giá là “không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải chịu hoàn toàn chi phí khắc phục.

2. Đánh giá dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập

Đánh giá dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập theo các mục tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Tiêu chí tại mục (1) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để đảm bảo chức năng của báo hiệu. Nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các tiêu chí, dẫn tới việc đánh giá tiêu chí mục tại (5) là “Không đạt” thì đánh giá tiêu chí mục (1) là “Không đạt”.

b) Tiêu chí tại mục (5) nếu “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập được đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.

c) Các tiêu chí tại mục (2), mục (3) và mục (4) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải khắc phục ngay trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng), kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để tiến hành đánh giá lại tiêu chí.

d) Các mục (1) và mục (5) đánh giá là “Không đạt” thì đèn biển, đăng tiêu độc lập chưa đáp ứng sẽ không được nghiệm thu, thanh toán. Các mục (2), mục (3), mục (4) đánh giá là “Không đạt” thì phần khối lượng công việc chưa đáp ứng không được nghiệm thu, thanh toán.

3. Đánh giá dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng

Đánh giá dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng theo các mục tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Tiêu chí tại mục (1) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để đảm bảo chức năng của báo hiệu. Nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các tiêu chí, dẫn tới việc đánh giá tiêu chí mục tại (5) là “Không đạt” thì đánh giá tiêu chí mục (1) là “Không đạt”.

b) Các tiêu chí tại mục (2), mục (3), mục (4) và mục (6) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải khắc phục ngay trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng), kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để tiến hành đánh giá lại tiêu chí.

c) Tiêu chí tại mục (5) nếu “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng

dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.

d) Các mục (1) và mục (5) đánh giá là “Không đạt” thì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng chưa đáp ứng sẽ không được nghiệm thu thanh toán. Các mục (2), mục (3), mục (4) và mục (6) đánh giá là “Không đạt” thì phần khối lượng công việc chưa đáp ứng không được nghiệm thu thanh toán.

4. Đánh giá dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)

Các tiêu chí quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt” thì đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải bổ sung hồ sơ trong vòng 03 ngày, nếu không hoàn thành công tác bổ sung hồ sơ thì được đánh giá là “Không đạt”, sản phẩm chưa đáp ứng không được nghiệm thu thanh toán.

5. Đánh giá dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.

Các tiêu chí quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất kết quả khắc phục thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt” thì đánh giá là “Không đạt”.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải bổ sung hồ sơ trong vòng 03 ngày (trừ thời gian bất khả kháng), nếu không hoàn thành công tác bổ sung hồ sơ thì được đánh giá là “Không đạt”, sản phẩm chưa đáp ứng không được nghiệm thu thanh toán.

Điều 7. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Công tác nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được tổ chức như sau:

a) Nghiệm thu hàng tháng, hàng quý (03 tháng) do Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tổ chức thực hiện.

b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức thực hiện.

2. Hồ sơ nghiệm thu

a) Nghiệm thu hàng tháng, hàng quý:

Hồ sơ nghiệm thu hàng tháng và hàng quý của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bao gồm: Biên bản nghiệm thu hàng tháng, hàng quý về khối lượng, chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; các loại nhật ký liên quan đến dịch vụ sự nghiệp công; dữ liệu giám sát; xác nhận của các cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và khi vùng hoạt động của các báo hiệu hàng hải không có các cơ quan này thì lấy xác nhận của các cơ quan, đơn vị liên quan, kèm theo các hồ sơ nghiệm thu có liên quan

của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm:

Hồ sơ phục vụ nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm bao gồm: Báo cáo hàng tháng, hàng quý công tác cung cấp dịch vụ của Đơn vị cung cấp sự nghiệp công kèm theo các hồ sơ quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 7 Thông tư này.

3. Các biểu mẫu biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được quy định tại Phụ lục 5, Phụ lục 6, Phụ lục 7, Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của các bên

1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm:

Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, hồ sơ quy định tại khoản b khoản 2 Điều 7 Thông tư này và kết quả kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường, tiến hành nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải 02 lần trong năm (06 tháng đầu năm và cả năm) theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải chịu trách nhiệm:

a) Trước khi thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ công, thực hiện phê duyệt kế hoạch bố trí nhân sự tại trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải để đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu việc thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại điểm Khoản 2 Điều 5 và mục a khoản 1 Điều 7 của Thông tư này bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và Thông tư này và chịu trách nhiệm với kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu của mình.

c) Lập báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm gửi Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam làm cơ sở để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công.

d) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với hồ sơ cung cấp cho Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công.

3. Cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa khu vực có trách nhiệm:

Hàng tháng xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải, các vụ việc đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải trong phạm vi quản lý. Các biểu mẫu biên bản xác nhận được quy định tại Phụ lục 9 kèm theo Thông tư này.

Đối với phạm vi ngoài sự quản lý của cảng vụ hàng hải và cảng vụ đường thủy nội địa khu vực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm đề nghị cơ quan, đơn vị liên quan tại khu vực xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu

hàng hải.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...tháng.....năm 2026.
2. Bãi bỏ Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.
3. Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Các công việc, hồ sơ đã thực hiện theo quy định của Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải và Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng để phục vụ công tác nghiệm thu trong năm./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (BTP)”;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Xây dựng;
- Công báo;
-
- Lưu: VT,

BỘ TRƯỞNG

.....

PHỤ LỤC 1

Tiêu chí chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập (Kèm theo Thông tư số /TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Chức năng của báo hiệu		
1.1	Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp)	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã được công bố thông báo hàng hải. - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.
1.1.1	Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa), quan sát bằng mắt thường, kết hợp hải đồ và thiết bị hành hải trên tàu (GPS, radar, ECDIS, AIS...) để xác định khoảng cách từ vị trí người quan sát bắt đầu nhận biết (hoặc không nhận biết) được báo hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong phạm vi tầm hiệu lực ban ngày, trong điều kiện kiểm tra bình thường báo hiệu phải đảm bảo nhận biết được bằng mắt thường. - Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.
1.1.2	Hình dáng báo hiệu	Quan sát trực quan hình dáng báo hiệu.	- Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.
1.1.3	Màu sắc báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc báo hiệu.	- Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.
1.2	Báo hiệu vô tuyến điện (AIS, racon)		
1.2.1	Thông tin truyền phát, đặc tính	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon. 	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin đã được công bố thông báo hàng hải.
1.2.2	Tầm hiệu lực	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu báo hiệu hàng hải AIS. - Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu Racon.. 	- Tầm hiệu lực của báo hiệu AIS, Racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 98% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.
2	Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu		
2.1	Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn báo hiệu. - Kiểm tra tính sẵn sàng (số lượng, tình trạng hoạt động). 	<p>Đối với đèn biển bố trí tối thiểu 02 bộ thiết bị báo hiệu ánh sáng: 01 bộ đèn chính thỏa mãn với thông báo hàng hải về đặc tính ánh sáng, tầm hiệu lực và 01 bộ đèn dự phòng có đặc tính ánh sáng giống với đèn chính, tầm hiệu lực tối thiểu bằng 75% đèn chính.</p> <p>- Trong trường hợp đèn chính bị sự cố, đèn dự phòng phải được kích hoạt hoạt động, thời gian kích hoạt không quá 03 phút.</p>
2.2	Nguồn cung cấp năng lượng điện (điện lưới, pin năng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra các nhật ký có liên quan. - Kiểm tra tính sẵn sàng (số lượng, tình trạng hoạt động...). 	Có ít nhất 02 hệ thống nguồn cung cấp năng lượng điện độc lập, bảo đảm khả năng cung cấp điện 24/24h.

	lượng mặt trời, máy phát điện)													
2.3	Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF/MF/HF/điện thoại)	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra hoạt động của thiết bị thông tin liên lạc.- Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	<ul style="list-style-type: none">- Đơn vị quản lý báo hiệu hàng hải phải có trung tâm thông tin được trang bị tối thiểu 01 hệ thống thông tin vô tuyến (VHF/HF/MF) và 01 hệ thống thông tin vô tuyến dự phòng đảm bảo liên lạc từ trung tâm thông tin đến các trạm quản lý đèn biển.- Trạm quản lý đèn biển có người thường trực phải được trang bị tối thiểu 02 thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến phù hợp.											
3	Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình													
3.1	Bảo trì, sửa chữa công trình	Kiểm tra hiện trạng thực tế công trình, đối chiếu với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công.	Phù hợp với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công.											
3.2	Bảo trì, sửa chữa cơ khí													
3.2.1	Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của phương tiện.- Kiểm tra hồ sơ hoàn công.	<ul style="list-style-type: none">- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn công.- Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định.- Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.											
3.2.2	Bảo trì, sửa chữa thiết bị: thiết bị báo hiệu, thông tin liên lạc, thiết bị cung cấp nguồn năng lượng.	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra trực quan.- Kiểm tra hồ sơ bảo trì, sửa chữa.	<ul style="list-style-type: none">- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa.- Các giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có).											
3.2.3	Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra trực quan.- Kiểm tra điện trở tiếp đất chống sét.- Kiểm tra hồ sơ bảo trì, sửa chữa.	<ul style="list-style-type: none">- Đáp ứng thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn hiện hành.- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa.											
4	Công tác quản lý													
		<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra nhật ký tại trạm.- Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành (nếu có).- Kiểm tra tình trạng hoạt động của báo hiệu và xác nhận của cơ quan chức năng.	<ul style="list-style-type: none">- Ghi chép nhật ký đầy đủ.- Phương tiện (nếu có) bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện.- Có xác nhận của cơ quan chức năng về tình trạng hoạt động của báo hiệu.- Các đặc tính của báo hiệu phù hợp thông báo hàng hải gần nhất.											
5	Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập													
		<ul style="list-style-type: none">- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:<div>$A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$</div>Trong đó:<ul style="list-style-type: none">+ A là chỉ số khả dụng tính bằng %;+ T là thời gian đánh giá hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập (số ngày ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm, được tính bằng ngày);+ t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà đèn biển, đăng tiêu độc lập không hoạt động hoặc hoạt động không	<div>Chỉ số khả dụng phải được đáp ứng tối thiểu như sau:</div> <table><tr><th rowspan="2">Đèn biển, đăng tiêu độc lập</th><th colspan="2">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu</th></tr><tr><th>T=6 tháng</th><th>T= 1 năm</th></tr><tr><td>Đèn biển có người thường trực</td><td>98,8%</td><td>99,4%</td></tr><tr><td>Đèn biển không có người</td><td>97,8%</td><td>98,9%</td></tr></table>	Đèn biển, đăng tiêu độc lập	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu		T=6 tháng	T= 1 năm	Đèn biển có người thường trực	98,8%	99,4%	Đèn biển không có người	97,8%	98,9%
Đèn biển, đăng tiêu độc lập	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu													
	T=6 tháng	T= 1 năm												
Đèn biển có người thường trực	98,8%	99,4%												
Đèn biển không có người	97,8%	98,9%												

		đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải gần nhất của cơ quan có thẩm quyền công bố không bao gồm thời gian dừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh,...)	thường trực			
--	--	--	----------------	--	--	--

PHỤ LỤC 2

Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (Kèm theo Thông tư số /TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Chức năng của báo hiệu		
1.1	Vị trí báo hiệu nổi	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra vị trí thực tế báo hiệu nổi bằng máy định vị cầm tay. - Đối với báo hiệu có lắp AIS, sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra vị trí. 	Vị trí của báo hiệu nổi phù hợp với thông báo hàng hải đã được công bố, không vượt quá độ lệch cho phép theo quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.
1.2	Báo hiệu thị giác		
1.2.1	Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp)	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã được công bố thông báo hàng hải gần nhất (bao gồm cả tính chất chớp đồng bộ nếu có). - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.
1.2.2	Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa), quan sát bằng mắt thường, kết hợp hải đồ và thiết bị hàng hải trên tàu (GPS, radar, ECDIS, AIS...) để xác định khoảng cách từ vị trí người quan sát bắt đầu nhận biết (hoặc không nhận biết) được báo hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải và điều kiện địa hình tuyến luồng. - Trong phạm vi tầm hiệu lực ban ngày, trong điều kiện kiểm tra bình thường báo hiệu phải đảm bảo nhận biết được bằng mắt thường. - Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.
1.2.3	Hình dáng báo hiệu	Quan sát trực quan hình dáng báo hiệu.	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.
1.2.4	Màu sắc báo hiệu	Quan sát trực quan màu sắc báo hiệu.	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.
1.3	Báo hiệu vô tuyến điện (racon, AIS)		
1.3.1	Thông tin truyền phát, đặc tính	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon. 	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin đã được công bố thông báo hàng hải.
1.3.2	Tầm hiệu lực	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu báo hiệu hàng hải AIS. - Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu Racon. 	- Tầm hiệu lực của báo hiệu AIS, Racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 95% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.
2	Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu		
2.1	Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn báo hiệu. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động. 	- Bảo đảm tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị.
2.3	Nguồn cung cấp năng lượng tại trạm quản lý báo hiệu	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra hiện trường về số lượng, tình trạng hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cung cấp năng lượng điện bảo đảm khả năng sẵn sàng hoạt động. - Nguồn cung cấp năng lượng điện đảm

			bảo cho các báo hiệu hàng hải trên luồng hoạt động 24/24h; - Đối với các trạm quản lý báo hiệu chưa có điện lưới được trang bị 02 máy phát điện có công suất phù hợp phục vụ sản xuất, sinh hoạt, đối với các trạm quản lý báo hiệu sử dụng điện lưới được trang bị 01 máy phát điện có công suất phù hợp để dự phòng khi mất điện lưới
2.4	Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF/MF/HF/điện thoại)	- Kiểm tra hoạt động của thiết bị thông tin liên lạc. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	- Đơn vị quản lý báo hiệu hàng hải phải có trung tâm thông tin được trang bị tối thiểu 01 hệ thống thông tin vô tuyến (VHF/HF/MF) và 01 hệ thống thông tin vô tuyến dự phòng đảm bảo liên lạc từ trung tâm thông tin đến các trạm quản lý luồng hàng hải. - Trạm quản lý luồng hàng hải có người thường trực phải được trang bị tối thiểu 02 thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến phù hợp.
3 Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình			
3.1	Bảo trì, sửa chữa công trình	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.
3.2	Bảo trì, sửa chữa cơ khí		
3.2.1	Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.
3.2.2	Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; vô tuyến điện; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa. - Các giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có).
3.2.3	Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành.
3.2.4	Bảo trì, sửa chữa phao báo hiệu	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành..	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của phao báo hiệu. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành.
4 Công tác quản lý tại trạm			
		- Kiểm tra nhật ký tại trạm (trạm và phương tiện); - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành; - Kiểm tra tình trạng hoạt động của báo hiệu và xác nhận của cơ quan chức năng; - Kiểm tra dữ liệu AIS hoặc dữ liệu hành	- Ghi nhật ký đầy đủ; - Phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về phương tiện thủy; - Các đặc tính của báo hiệu phù hợp với thông báo hàng hải gần nhất; - Dữ liệu AIS hoặc dữ liệu giám sát hành

		trình khác của phương tiện thủy phục vụ công tác tiếp tế; kiểm tra tổng quan, kiểm tra bảo trì; sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải trên luồng; thay, thả phao báo hiệu hàng hải trên luồng.	trình khác (nếu có) phù hợp với nhật ký và các hồ sơ liên quan.																																											
5	Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng																																													
		<div>- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:<div>$A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$</div><div>Trong đó: + A là chỉ số khả dụng tính bằng %; + T là thời gian đánh giá hoạt động của báo hiệu hàng hải (số ngày ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm); + t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải gần nhất của cơ quan có thẩm quyền công bố, không bao gồm thời gian dừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh,...); - Chỉ số khả dụng tổng hợp của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng là tỷ lệ phần trăm giữa số lượng báo hiệu đạt yêu cầu chỉ số khả dụng với lượng báo hiệu trên luồng. Chỉ số này được dùng để đánh giá chất lượng dịch vụ vận hàng luồng trong chu kỳ đánh giá.</div></div>	<div>- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 6 tháng như sau:</div> <table><tr><th rowspan="2">Loại báo hiệu hàng hải</th><th colspan="4">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng</th></tr><tr><th>Cấp I</th><th>Cấp II</th><th>Cấp III</th><th>Cấp IV</th></tr><tr><td>Báo hiệu chứng ngại vật biệt lập, chứng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện</td><td>97,8</td><td>97,8</td><td>97,8</td><td>97,8</td></tr><tr><td>Đăng tiêu, chấp tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)</td><td>97,8</td><td>96,6</td><td>95,6</td><td>94,4</td></tr><tr><td>Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông</td><td>96,6</td><td>95,6</td><td>94,4</td><td>93,4</td></tr><tr><td>Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng</td><td>95,6</td><td>94,4</td><td>93,4</td><td>92,2</td></tr></table> <div>- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 1 năm như sau:</div> <table><tr><th rowspan="2">Loại báo hiệu hàng hải</th><th colspan="4">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng</th></tr><tr><th>Cấp I</th><th>Cấp II</th><th>Cấp III</th><th>Cấp IV</th></tr><tr><td>Báo hiệu chứng ngại vật biệt lập.</td><td>98,9</td><td>98,9</td><td>98,9</td><td>98,9</td></tr></table>	Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng				Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Báo hiệu chứng ngại vật biệt lập, chứng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	97,8	97,8	97,8	Đăng tiêu, chấp tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	97,8	96,6	95,6	94,4	Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	96,6	95,6	94,4	93,4	Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	95,6	94,4	93,4	92,2	Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng				Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Báo hiệu chứng ngại vật biệt lập.	98,9	98,9	98,9	98,9
Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng																																													
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV																																										
Báo hiệu chứng ngại vật biệt lập, chứng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	97,8	97,8	97,8																																										
Đăng tiêu, chấp tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	97,8	96,6	95,6	94,4																																										
Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	96,6	95,6	94,4	93,4																																										
Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	95,6	94,4	93,4	92,2																																										
Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng																																													
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV																																										
Báo hiệu chứng ngại vật biệt lập.	98,9	98,9	98,9	98,9																																										

			chương ngại vật nguy hiểm mới phát hiện				
			Đăng tiêu, chập tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	98,9	98,3	97,8	97,2
			Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	98,3	97,8	97,2	96,7
			Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	97,8	97,2	96,7	96,1
			- Chỉ số khả dụng tổng hợp yêu cầu tối thiểu của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng phải ≥90%. - Phân cấp luồng hàng hải theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành luồng hàng hải.				
6	Công tác kiểm tra thường xuyên đề kè						
		- Kiểm tra nhật ký.	- Nhật ký được ghi chép đầy đủ. - Số lần thực hiện đảm bảo theo định mức kinh tế kỹ thuật.				

PHỤ LỤC 3

Tiêu chí chất lượng dịch vụ Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)

(Kèm theo Thông tư số /TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Tần suất khảo sát	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra số lần thực hiện và thời gian giữa các lần khảo sát.	<ul style="list-style-type: none">- Phù hợp với tần suất khảo sát theo quy định.- Thời gian khảo sát phù hợp với Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2	Hồ sơ khảo sát	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát.- Kiểm tra Báo cáo kết quả khảo sát (bảng đo sâu, sổ thủy trí, nhật ký khảo sát, nhiệm vụ khảo sát, thiết bị khảo sát, móc khổng chế, dữ liệu khảo sát...) thu thập tại hiện trường; bình đồ khảo sát luồng hàng hải (tỷ lệ, phạm vi và khoảng cách giữa các tuyến đo...).- Kiểm tra hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải.	<ul style="list-style-type: none">- Hồ sơ khảo sát đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật, trình bày đúng quy định và đảm bảo tính pháp lý.- Hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải được gửi tới Cảng vụ hàng hải khu vực kịp thời, phù hợp với kết quả khảo sát.- Đáp ứng nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đã được phê duyệt.

PHỤ LỤC 4

Tiêu chí chất lượng dịch vụ Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải

(Kèm theo Thông tư số /TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Công tác xử lý nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải	Kiểm tra hồ sơ khắc phục sự cố.	<ul style="list-style-type: none">- Phù hợp với yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và quy định có liên quan.- Có đầy đủ hồ sơ thể hiện việc khắc phục sự cố theo quy định.

PHỤ LỤC 5

MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP

(Kèm theo Thông tư số /TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)

Biểu mẫu số 01:

**Biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành hệ thống đèn biển, đăng
tiêu độc lập 6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm và cả năm 20...)**

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH HỆ
THỐNG ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP 6 THÁNG ĐẦU NĂM (HOẶC 6 THÁNG CUỐI
NĂM VÀ CẢ NĂM 20...) CỦA [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công]**

(Số:)

Các căn cứ.....;

Thời gian và địa điểm, chúng tôi gồm:

Bên A: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

Tên giao dịch:

Người đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản số:

Ngân hàng:

Bên B: [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công]

Tên giao dịch:

Người đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản số:

Ngân hàng:

Mã số thuế:

Hai bên thống nhất nghiệm thu đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập của [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] 6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm và cả năm 20...) bao gồm những nội dung sau:

1. Nghiệm thu số lượng, khối lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành.

Khối lượng vận hành các đèn biển và đăng tiêu độc lập: ... đèn biển và báo hiệu độc lập gần đèn.

Các công việc cụ thể bao gồm: *liệt kê các công việc*

- Số ngày hoạt động của mỗi báo hiệu: ngày..

- Số giờ hoạt động của đèn biển và đăng tiêu độc lập: giờ/ngày.

1.1. Khối lượng thực hiện công tác tiếp tế định kỳ 6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm và cả năm 20...): chuyến.

1.2. Khối lượng thực hiện công tác tiếp tế tại chỗ 6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm và cả năm 20...): chuyến.

1.3. Khối lượng thực hiện công tác sửa chữa cơ khí 6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm và cả năm 20...):

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng		
			06 tháng đầu năm	06 tháng cuối năm	Cả năm 20...
1	Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ
2	Bảo trì, sửa chữa thiết bị
3	Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét
4	Bảo trì, sửa chữa máy phát điện

1.4. Khối lượng thực hiện công tác sửa chữa công trình 6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm và cả năm 20...):

STT	Tên công trình	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng		
			06 tháng đầu năm	06 tháng cuối năm	Cả năm 20...
1	Bảo trì, sửa chữa công trình
2

1.5. Khối lượng thay thế thiết bị, phụ tùng báo hiệu hàng hải phục vụ công tác vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập theo hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ thanh quyết toán do đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cung cấp.

(Cụ thể tại các bảng xác định số lượng, chất lượng từ bảng số 1 đến bảng số 5 kèm theo).

2. Nghiệm thu chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành

[Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập 6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm và cả năm

20...) đạt yêu cầu chất lượng theo quy định tại Thông tư số..... ngày của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải và Hợp đồng số/HĐHN-DVSNCBĐHHVN ngày giữa Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] về việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập năm 20....., cụ thể như sau:

TT	Tên báo hiệu hàng hải	Số lượng tiêu chí chất lượng yêu cầu tại Thông tư số.... ngày.....	Số lượng tiêu chí chất lượng đạt yêu cầu theo Thông tư số.... ngày.....	Ghi chú
I	Đèn biển			
1	Tên đèn biển	5	5	...
2
II	Đăng tiêu độc lập			
...

(Cụ thể tại các bảng xác định số lượng, chất lượng từ bảng số 1 đến bảng số 5 kèm theo).

3. Kết luận và kiến nghị

[Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu tại các hồ sơ, tài liệu để phục vụ nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập năm 20.....

Khi cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thanh toán, quyết toán, có kết luận về số lượng, khối lượng, chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập thì [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] có trách nhiệm giải trình, thực hiện theo kết luận của các cơ quan này; kịp thời báo cáo về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và chịu hoàn toàn trách nhiệm xử lý theo quy định pháp luật.

Các bên thống nhất nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập 6 tháng cuối năm và cả năm 20..... do [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] thực hiện.

Biên bản nghiệm này được lập thành 10 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 05 bản./.

ĐẠI DIỆN
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN
[Ghi Tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công]

BẢNG SỐ 1:
BẢNG XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH
HỆ THỐNG ĐỀN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

[illegible]

BẢNG SỐ 2:
BẢNG XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC
TIẾP TẾ ĐỀN BIỂN ĐỊNH KỲ

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

TT	Cung đường	Số chuyển tiếp tế thực hiện		Phương tiện thực hiện		Đánh giá chất lượng	Ghi chú
		Quý I	Quý...	Quý I	Quý...		
I	Tên đơn vị quản lý						
1	Tên trạm đền biển						
	<i>Cung đường di chuyển</i>

BẢNG SỐ 3:
BẢNG XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC
TIẾP TẾ ĐỀN BIỂN TẠI CHỖ

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

TT	Cung đường	Số chuyến tiếp tế thực hiện		Phương tiện thực hiện		Đánh giá chất lượng	Ghi chú
		Quý I	Quý...	Quý I	Quý...		
I	Tên đơn vị quản lý						
1	Tên trạm đền biển
2

BẢNG SỐ 4:

**BẢNG XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC SỬA CHỮA CƠ KHÍ
PHỤC VỤ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP**

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

[illegible]

[illegible]

BẢNG SỐ 5:

**BẢNG XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH
PHỤC VỤ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP**

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu sốngày)

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật theo thiết kế	Nội dung công việc	Khối lượng hoàn thành theo Hồ sơ hoàn công công trình	Khối lượng thay đổi so với Quyết định phê duyet BCKTKT/ TKBVTC (nếu có)	Đánh giá chất lượng	Tiêu chuẩn áp dụng để thi công và nghiệm thu	Ghi chú
1	Tên công trình sửa chữa
2

PHỤ LỤC 6

**MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH,
BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG**
(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)

Biểu mẫu số 2:

Biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng 06 tháng đầu năm (hoặc 06 tháng cuối năm và cả năm)

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH, BẢO
TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG 06 THÁNG ĐẦU
NĂM (HOẶC 6 THÁNG CUỐI NĂM VÀ CẢ NĂM) CỦA [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự
nghiệp công]**

(Số:)

Các căn cứ.....;

Thời gian và địa điểm, chúng tôi gồm:

Bên A: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

Tên giao dịch:

Người đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản số:

Ngân hàng:

Bên B: [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công]

Tên giao dịch:

Người đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản số:

Ngân hàng:

Mã số thuế:

Hai bên thống nhất nghiệm thu đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng của [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] 6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm và cả năm 20...) bao gồm những nội dung sau:

1. Nghiệm thu số lượng, khối lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành:

Số lượng, khối lượng vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng hoàn thành: **tuyến luồng** hàng hải với tổng chiều dài **km** (chiều dài công bố), bao gồm phao báo hiệu, tiêu báo hiệu và thiết bị AIS phát thông tin khí tượng thủy văn, thiết bị thu/truyền dữ liệu AIS về trung tâm, trung tâm dữ liệu,.....

- Các công việc vận hành, bảo trì bao gồm: *liệt kê các công việc*

- Công tác kiểm tra thường xuyên đê, kè: **đê, kè** với tổng chiều dài là: **km**.

- Số lượng, khối lượng công tác sửa chữa cơ khí, công trình phục vụ dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng: ...phương tiện thủy, ...phương tiện bộ, ... máy phát điện, phao báo hiệu hàng hải, bộ thiết bị báo hiệu hàng hải,hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống chống sét.....[*liệt kê chi tiết*].

1.1. Số lượng, khối lượng vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng đã hoàn thành:

STT	Tên luồng/đoạn luồng	Chiều dài công bố (Km)	6 tháng đầu năm		6 tháng cuối năm		Trạm thu/truyền dữ liệu AIS về trung tâm	Trạm AIS phát thông tin khí tượng thủy văn
			Phao	Tiêu	Phao	Tiêu		
1	Tên luồng hàng hải...							
1.1	Tên đoạn luồng							
1.2	Tên đoạn luồng							
2							

1.2. Số lượng, khối lượng công tác kiểm tra thường xuyên đê, kè đã hoàn thành:

STT	Tên đê, kè	Chiều dài đê, kè (km)	
		06 tháng đầu năm	06 tháng cuối năm
1	Tên luồng hàng hải...		
1.1	Tên đoạn luồng		

STT	Tên đê, kè	Chiều dài đê, kè (km)	
		06 tháng đầu năm	06 tháng cuối năm
	- Tên đê, kè
2
	TỔNG

1.3. Số lượng, khối lượng công tác sửa chữa cơ khí phục vụ dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng đã hoàn thành:

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng		
			06 tháng đầu năm	06 tháng cuối năm	Cả năm 2025
1	Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ
2	Bảo trì, sửa chữa thiết bị
3	Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét
4	Bảo trì, sửa chữa máy phát điện
5	Bảo trì, sửa chữa phao báo hiệu
...

1.4. Khối lượng thực hiện công tác sửa chữa công trình 6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm và cả năm 20...):

STT	Tên công trình	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng		
			06 tháng đầu năm	06 tháng cuối năm	Cả năm 20...
1	Bảo trì, sửa chữa công trình
2

1.5. Khối lượng thay thế thiết bị, phụ tùng báo hiệu hàng hải phục vụ công tác vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng theo hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ thanh quyết toán do đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cung cấp.

(Cụ thể tại các bảng xác định số lượng, chất lượng từ bảng số 1 đến bảng số 9 kèm theo).

2. Nghiệm thu chất lượng cung cấp Dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành

[Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng 6 tháng cuối và cả năm 20.... đạt yêu cầu chất lượng theo quy định tại Thông tư số ngày của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải và Hợp đồng số/HĐHN-DVSNCBĐHHVN ngày giữa Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] về việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng năm 20....., cụ thể như sau:

STT	Tên luồng hàng hải	Số lượng tiêu chí chất lượng yêu cầu	Số lượng tiêu chí chất lượng đạt yêu cầu	Ghi chú
		(Số lượng tiêu chí chất lượng yêu cầu theo Thông tư số ngày)		
I	Vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng			
1	Tên luồng hàng hải...
2
II	Kiểm tra thường xuyên đê, kè			
1	Tên luồng hàng hải...			
1.1	Tên đoạn luồng			
	- Tên đê, kè
2

(Cụ thể tại các bảng xác định số lượng, chất lượng từ bảng số 1 đến bảng số 9 kèm theo).

3. Kết luận và kiến nghị

[Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu tại các hồ sơ, tài liệu để phục vụ nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng năm 20.....

Khi cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thanh toán, quyết toán, có kết luận về số lượng, khối lượng, chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng thì *[Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công]* có trách nhiệm giải trình, thực hiện theo kết luận của các cơ quan này; kịp thời báo cáo về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và chịu hoàn toàn trách nhiệm xử lý theo quy định pháp luật.

Các bên thống nhất nghiệm thu Dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng và kè bảo vệ luồng hàng hải) 6 tháng cuối và cả năm 2025 do *[Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công]* thực hiện.

Biên bản nghiệm này được lập thành 10 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 05 bản./.

ĐẠI DIỆN
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN
[Tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công]

[illegible]

**BẢNG SỐ 1B: BẢNG ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BẢO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG**

Các tiêu chí: chức năng của báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu; công tác quản lý tại trạm; chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng)

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

[illegible]

BẢNG SỐ 1C: BẢNG ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CHẤT LƯỢNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BẢO HIỆU TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI...[Ghi tên luồng hàng hải]

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

STT	Tên báo hiệu	Cấp luồng	Loại báo hiệu	Chức năng của báo hiệu			Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu trên luồng		Chỉ số khả dụng của báo hiệu trên luồng				Ghi chú
				Vị trí báo hiệu nổi	Báo hiệu thị giác	Báo hiệu vô tuyến (racon, AIS...)	Báo hiệu ánh sáng	Nguồn cung cấp năng lượng	Thời gian đánh giá hoạt động của báo hiệu (ngày)	Thời gian báo hiệu không hoạt động (ngày)	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của 01 báo hiệu	Chỉ số khả dụng tính toán (A)	
I	Đăng tiêu												
1	Tên đăng tiêu....
2
II	Phao báo hiệu												
1	Tên phao báo hiệu...
2
III	Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu tại trạm:												
1	Nguồn cung cấp năng lượng tại trạm:												
2	Thiết bị thông tin liên lạc:												
IV	Công tác quản lý tại trạm:												

1	Công tác ghi chép nhật ký tại trạm:
2	Việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành:
3	Đặc tính của báo hiệu hàng hải so với Thông báo hàng hải:
4	Dữ liệu AIS hoặc dữ liệu giám sát hành trình khác:
V	Chỉ số khả dụng tổng hợp của báo hiệu hàng hải trên luồng:.....%

[illegible]

BẢNG SỐ 3:
BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN ĐÊ, KÈ
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

STT	Tên đê, kè	Chiều dài đê kè (Km)	Công tác kiểm tra thường xuyên	Hình dáng của đê, kè	Độ cao của đê, kè	Hành lang an toàn của đê, kè	Số lần kiểm tra thường xuyên đê kè thực hiện				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
							6 tháng đầu năm		6 tháng cuối năm			
							Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
1	Tên luồng hàng hải...											
1.1	Tên đoạn luồng
1.2	Tên đoạn luồng
2
	TỔNG

[illegible]

BẢNG SỐ 5:
BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TIẾP TẾ ĐỊNH KỲ LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

[illegible]

BẢNG SỐ 6:
BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TIẾP TẾ TẠI CHỖ LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

TT	Cung đường	Số chuyến tiếp tế thực hiện		Phương tiện thực hiện		Đánh giá chất lượng	Ghi chú
		Quý I	Quý...	Quý I	Quý...		
I	Tên đơn vị quản lý						
1	Tên trạm quản lý luồng hàng hải...
2

BẢNG SỐ 7:
BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC THAY, THẢ PHAO BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN
LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

STT	Luồng hàng hải	Số lượng, khối lượng công tác thay thả phao thực hiện				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
		6 tháng đầu năm		6 tháng cuối năm			
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
1	Tên luồng hàng hải...						
1.1	Tên đoạn luồng
1.2	Tên đoạn luồng
2
	TỔNG

BẢNG SỐ 8:
BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC SỬA CHỮA CƠ KHÍ PHỤC VỤ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP
CÔNG VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BẢO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

[illegible]

BẢNG SỐ 9:
BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ DỊCH VỤ SỰ
NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BẢO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số ngày)

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật theo thiết kế	Nội dung công việc	Khối lượng hoàn thành theo Hồ sơ hoàn công công trình	Khối lượng thay đổi so với Quyết định phê duyệt BCKTKT/TKBVTC (nếu có)	Đánh giá chất lượng	Tiêu chuẩn áp dụng để thi công và nghiệm thu	Ghi chú
1	Tên công trình sửa chữa
2

PHỤ LỤC 7**MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CẢ VỊ TRÍ ĐÓN TRẢ HOA TIÊU)***(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)***Biểu mẫu số 03:**

Biên bản nghiệm thu cung cấp Dịch vụ sự nghiệp công Khảo sát định kỳ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI
LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CẢ VỊ TRÍ ĐÓN TRẢ HOA TIÊU) 06
THÁNG ĐẦU NĂM 20..... (HOẶC 6 THÁNG CUỐI VÀ CẢ NĂM 20.....)**

CỦA [ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG]

(Số:)

Các căn cứ.....;

Thời gian và địa điểm.

Thành phần tham gia:

- Đại diện Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

Ông/bà : Chức vụ:

Ông/bà : Chức vụ:

Ông/bà : Chức vụ:

- Đại diện [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công]

Ông/bà : Chức vụ:

Ông/bà : Chức vụ:

Ông/bà : Chức vụ:

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] cùng thống nhất nghiệm thu đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) 06 tháng đầu năm 20.... (hoặc 06 tháng cuối và cả năm 20....) của [Ghi tên đơn

vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] như sau:

1. Số lượng, chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) đã hoàn thành:

STT	Tên luồng hàng hải	Số lượng tiêu chí chất lượng yêu cầu	Số lượng tiêu chí chất lượng đạt yêu cầu	Ghi chú
		(Số lượng tiêu chí chất lượng yêu cầu theo Thông tư số)		
....	
....	

(Chi tiết tại xác định khối lượng, chất lượng kèm theo)

2. Hồ sơ kèm theo

- Hồ sơ quyết toán công tác Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) của Tổng công ty với đơn vị;

- Các báo cáo kết quả khảo sát.

-

(Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp và trung thực của số liệu trong hồ sơ).

3. Kết luận

Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện cung cấp Dịch vụ Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được đánh giá: **“Đạt”/”Không đạt”** yêu cầu chất lượng theo quy định tại Thông tư về Quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

Biên bản này được lập thành 04 bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN
[Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự
nghiệp công]

**BẢNG XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ
PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG
CỘNG (BAO GỒM CẢ VỊ TRÍ ĐÓN TRẢ HOA TIÊU)**

(Kèm theo biên bản nghiệm thu sốngày.....)

STT	Tên luồng	Tỷ lệ, cấp địa hình	Tần suất khảo sát	Hồ sơ khảo sát	Đánh giá chất lượng
1	Luồng/khu vực đón trả hoa tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Số tháng/1 lần đảm bảo theo Quyết định số; - Thời gian khảo sát phù hợp với QĐ phê duyệt PA... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ khảo sát; - Báo cáo kết quả KSXD; + Thiết bị khảo sát; + Móc không chế; + Phạm vi khảo sát, tỷ lệ bình đồ; + Độ chính xác của số liệu hiện trường và tài liệu thu thập hiện trường - Hồ sơ đề nghị TBHH; 	
.....				

Hồ sơ kèm theo gồm (nếu có).

Kết luận:

PHỤ LỤC 8**MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN***(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)***Biểu mẫu số 04:**

Biên bản Nghiệm thu cung cấp dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN
TOÀN HÀNG HẢI 06 THÁNG ĐẦU NĂM (HOẶC 6 THÁNG CUỐI VÀ CẢ NĂM)
CỦA***[ghi tên của đơn vị cung cấp dịch vụ công]**(Số:)*

Các căn cứ.....;

1. Thành phần tham gia:**- Đại diện Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam**

Ông/bà : Chức vụ:

Ông/bà : Chức vụ:

Ông/bà : Chức vụ:

.....

- Đại diện [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công]

Ông/bà : Chức vụ:

Ông/bà : Chức vụ:

Ông/bà : Chức vụ:

.....

2. Thời gian nghiệm thu:

.....

3. Nội dung nghiệm thu:

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] thống nhất lập Biên bản kiểm tra, đánh giá chất lượng cung cấp Nhiệm vụ đột xuất

bảo đảm an toàn hàng hải 06 tháng đầu năm 20.... (hoặc 06 tháng cuối và cả năm 20....) của [Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công] như sau:

3.1. Tên dịch vụ sự nghiệp công: Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.

3.2. Về số lượng, khối lượng:

- Số lượng nhiệm vụ (vụ việc) đột xuất được nghiệm thu trong kỳ nghiệm nghiệm thu:.....

(Chi tiết như Bảng kèm theo)

3.3. Về chất lượng dịch vụ

(Chi tiết như Bảng kèm theo)

3.4. Dự toán kinh phí

.....

3.5. Nội dung khác

.....

4. Hồ sơ kèm theo

- Hồ sơ quyết toán công tác Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải của Tổng công ty với đơn vị;

- Các nhật ký thi công;

- Báo cáo về các sự cố của Tổng công ty;

- Xác nhận sự cố và khắc phục sự cố của cơ quan chức năng.

-

(Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp và trung thực của số liệu trong hồ sơ).

5. Kết luận

ĐẠI DIỆN
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN
[Ghi tên đơn vị cung cấp dịch vụ sự
ng nghiệp công]

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ
NHIỆM VỤ ĐÓT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI**
(Kèm theo biên bản nghiệm thu số)

TT	Tên hạng mục	Khối lượng	Văn bản, hồ sơ pháp lý	Nguyên nhân sự cố	Đánh giá chất lượng theo tiêu chí quy định	Thời gian khắc phục	Ghi chú
1						

PHỤ LỤC 9
CÁC BIỂU MẪU XÁC NHẬN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI
(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)

Biểu mẫu số 05:
Biên bản xác nhận hoạt động của hệ thống báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG BÁO HIỆU DẪN
LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG
Thời gian: Tháng....năm...

STT	Tên luồng, tên báo hiệu	Vị trí (theo hệ tọa độ WGS-84)		Tác dụng	Màu sắc	Đặc tính ánh sáng	Thông tin truyền phát (đối với báo hiệu vô tuyến)	Tình trạng hoạt động			Ghi chú
		Vĩ độ	Kinh độ					Tổng số ngày hoạt động	Số ngày báo hiệu ngừng hoạt động	Số ngày/thời gian đèn ngừng hoạt động	
I	Luồng: A; trạm quản lý báo hiệu; tổng số báo hiệu										
1	Tên báo hiệu	(Ghi lý do sự cố, dừng hoạt động,... nếu có)
...											

Đại diện Cảng vụ hàng hải...
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đại diện Trạm Quản lý luồng
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Biểu mẫu số 06: Biên bản xác nhận hoạt động của đèn biển

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÈN BIỂN.....

Tháng.....năm.....

Toạ độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
.....

Địa điểm: Trên vùng nước

Đặc tính ánh sáng:

Tầm hiệu lực ánh sáng:

Tác dụng:.....

Tình trạng hoạt động của đèn biển trong tháng..... năm

1. Thời gian hoạt động của đèn:

- Tổng thời gian hoạt động của đèn trong tháng..... ngày.

- Thời gian sự cố phải ngừng hoạt động:.....

2. Hoạt động của thiết bị vô tuyến AIS, Racon (nếu có):

(Ghi rõ: Tên BHHH AIS, mã nhận dạng MMSI, tình trạng hoạt động của thiết bị BHHH AIS..)

3. Kết luận:.....

4. Nhận xét của Cảng vụ:.....

**ĐẠI DIỆN
CẢNG VỤ**

(Hoặc chính quyền sở tại nơi không thể
xác nhận Cảng vụ hàng hải khu vực)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN
Đơn vị Quản lý BHHH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TRẠM TRƯỞNG.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 07:

Biên bản xác nhận kết quả khắc phục nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

BIÊN BẢN**XÁC NHẬN KẾT QUẢ KHẮC PHỤC VỤ VIỆC NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT
BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG**

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., tại.....

1. Thành phần tham dự:**1.1. Đại diện Cảng vụ..... (hoặc các cơ quan, đơn vị liên quan)**

- Ông:..... Chức vụ:.....
- Ông:..... Chức vụ:.....

1.2. Đại diện đơn vị quản lý báo hiệu hàng hải:

- Ông:..... Chức vụ:.....
- Ông:..... Chức vụ:.....

1.3. Đại diện đơn vị và phương tiện gây ra sự cố (nếu có):

- Ông:..... Chức vụ:.....

Các bên thông nhất xác nhận kết quả khắc phục vụ việc đột xuất như sau:

1.4 Thời gian, địa điểm, phương tiện phục vụ

- Thời gian:.....
- Địa điểm:.....
- Phương tiện thủy phục vụ (nếu có):; Mã MMSI của phương tiện thủy:.....
- Phương tiện bộ phục vụ (nếu có):.....

2. Nội dung:

Các bên thông nhất xác nhận nội dung kết quả khắc phục vụ việc đột xuất như sau:

(Ghi chép đầy đủ các chi tiết liên quan: như thời gian, địa điểm, tình trạng của báo hiệu hàng hải).....

3. Kết luận:

Biên bản được lập thànhbản có giá trị như nhau, mỗi bên giữbản.

Đại diện Cảng vụ...
(hoặc các cơ quan, đơn
vị liên quan)
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị hoặc
phương tiện gây ra sự cố
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Đơn vị quản lý
báo hiệu hàng hải
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 08: Biên bản xác nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

XÁC NHẬN VỤ VIỆC ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

Hôm nay, ngày tháng.....năm, tại.....

1. Thành phần tham dự:

1.1. Đại diện Cảng vụ..... (hoặc các cơ quan, đơn vị liên quan)

- Ông:..... Chức vụ:.....
- Ông:..... Chức vụ:.....

1.2. Đại diện đơn vị quản lý báo hiệu hàng hải:

- Ông:..... Chức vụ:.....
- Ông:..... Chức vụ:.....

1.3. Đại diện đơn vị và phương tiện gây ra sự cố (nếu có):

- Ông:..... Chức vụ:.....

1.4 Thời gian, địa điểm, phương tiện thủy phục vụ

- Thời gian:.....
- Địa điểm:.....
- Phương tiện thủy phục vụ: (nếu có); Mã MMSI của phương tiện thủy:.....
- Phương tiện bộ phục vụ: (nếu có) ..

2. Nội dung:

Các bên thống nhất xác nhận nội dung vụ việc đột xuất như sau:

(Ghi chép đầy đủ các chi tiết liên quan: như thời gian, địa điểm, tình trạng của báo hiệu hàng hải)

.....
.....

3. Kết luận: (Ghi rõ kết luận về nguyên nhân sự cố và phương án xử lý)

.....

..... Biên bản được lập thành.....bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ.....bản.

Đại diện Cảng vụ...

(hoặc các cơ quan, đơn
vị liên quan)

(ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện đơn vị hoặc
phương tiện gây ra sự cố**

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Đơn vị quản lý

báo hiệu hàng hải

(ký, ghi rõ họ tên)